

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Quy.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 806/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1978 “có mặt”

Trú tại: 92/3, tổ 1, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 158/7/9A, đường 11, tổ 10, khu phố 5, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1970 “vắng mặt”

Trú tại: 92/3, tổ 1, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Chị và anh Phạm Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 có tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay ham chơi cờ bạc, thường xuyên uống rượu về nhà gây sự chửi bới chị, vợ chồng sống không có hạnh phúc nhưng vẫn ở chung một nhà. Tháng 9/2015 chị bỏ đi đến phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống với chị gái và ly thân anh L cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng có gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ nhưng không kết quả. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Con chung: Có 01 cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 10/5/2006. Cháu Khánh sống với chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Chị đang làm công nhân may, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu K, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện anh L đi làm rẫy thuê thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Phạm Hoàng L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Vân A, xử cho chị A được ly hôn anh L. Về con chung: giao cháu Phạm Hoàng K cho chị A nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh L không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L (số 354 ngày 29/3/2005) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh L không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị A kiên quyết xin ly hôn không đồng ý rút đơn để trở về đoàn tụ.

Xét thấy từ năm 2015 đến nay chị A và anh L không chung sống với nhau, vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng không có kết quả, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A xử cho chị A được ly hôn anh L.

[3]. Về con chung: Có một con tên Phạm Hoàng K sinh ngày 10/5/2006. Sau khi ly hôn, chị A đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ năm 2015 đến nay chị A là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống cháu Khánh đã ổn định. Hiện cháu K đã trên 7 tuổi qua tham khảo ý kiến cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu Khánh cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị A nuôi con yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị A là chính đáng, anh L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai của chị A hiện tại anh L đi làm thuê, căn cứ vào giá cả thị trường hiện nay so với nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày của trẻ cần buộc anh L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A, xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Phạm Hoàng L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 10/5/2006 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Phạm Hoàng L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005087 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Chị Vân A đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Chị Nguyễn Thị Vân A được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hoàng L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBNDTT. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng